

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 11

I. TIẾNG VIỆT:

Câu 1: Nêu khái niệm các thành phần nghĩa của câu?

Đáp án:

- Nghĩa sự việc là nghĩa ứng với sự việc được đề cập đến trong câu
- Nghĩa tình thái là bày tỏ thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.

Câu 2: Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong những câu sau:

- Thật hồn thật phách thật thân thể
Thật được lên tiên sướng lạ lùng*
- Nó không đến cũng chưa biết chừng.*
- Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về quê nhà mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ."*
- Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*

Đáp án:

- Nghĩa sự việc: chỉ sự sung sướng khi được lên tiên là có thật
- Nghĩa tình thái: khẳng định một cách chắc chắn, đầy tin tưởng
- Nghĩa sự việc: Việc “nó” có đến hay không?
- Nghĩa hình thái: *chưa biết chừng* (Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy thấp)
- Nghĩa sự việc: Lời khuyên chân thành của Huân Cao về việc chơi chữ và giữ gìn thiên lương
- Nghĩa tình thái: thái độ quan tâm thiết tha khuyên nhủ
- Nghĩa sự việc: Quan niệm về tài – mệnh tương đối
- Nghĩa tình thái: (khéo) phỏng đoán một cách chắc chắn

Câu 3: Nêu đặc điểm loại hình tiếng Việt?

Đáp án:

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập với các đặc điểm nổi bật là: đơn vị cơ sở của ngữ pháp là tiếng; từ không biến đổi hình thái; ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị bằng trật tự từ và hư từ.

Câu 2: Phân tích đặc điểm loại hình tiếng Việt thể hiện ở câu sau:

*Ruồi đậu mâm xôi, mâm xôi đậu
Kiến bò đĩa thịt, đĩa thịt bò*

(Câu đối)

Đáp án:

Đặc điểm loại hình của tiếng Việt thể hiện trong hai vế của câu đối:

- Mỗi âm tiết đều có nghĩa và là một từ đơn.
- Từ không biến đổi tình thái: từ *đậu* (1) là động từ, từ *đậu* (2) là danh từ, nhưng không khác nhau về hình thức. Cũng thế, từ *bò* (1) là động từ không khác về hình thức với từ *bò* (2) là danh từ.
- Các từ *ruồi*, *kiến* là chủ ngữ nên đặt trước các động từ vị ngữ (*đậu*, *bò*). Các từ *mâm xôi* (1), *đĩa thịt* (1) là phụ ngữ chỉ đối tượng nên được đặt sau các động từ vị ngữ (*đậu* (1), *bò* (1)).
- Các từ *mâm xôi* (1) và *mâm xôi* (2), *đĩa thịt* (1) và *đĩa thịt* (2) khác nhau về chức vụ ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp trong câu nhưng không khác nhau về hình thức âm thanh.

II. TẬP LÀM VĂN:

Nghị luận văn học: Dàn ý sơ lược

BÀI 1: VỘI VÀNG (XUÂN DIỆU)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả : Xuân Diệu là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn, có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú

2. Tác phẩm:

a. Xuất xứ: rút từ tập : Thơ thơ(1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ « mới nhất trong các nhà thơ mới »

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

* **Khát vọng của Xuân Diệu.**

Tôi muốn:

- Tắt nắng -> cho màu đừng nhạt
- Buộc gió -> cho hương đừng bay đi

Điệp từ, động từ mạnh “tắt, buộc” -> Thể hiện một ý muốn quá táo bạo, muốn đoạt quyền của tạo hóa, muốn ngăn thời gian, chặn sự già nua, tàn tạ để giữ mãi hương sắc, giữ cái đẹp của trần thế.

=> Ý tưởng có vẻ “ngông cuồng” xuất phát từ một trái tim yêu cuộc sống tha thiết, say mê.

* Tâm trạng vui tươi trước cảnh sắc thiên nhiên:

- Điệp từ “này đây” liên tục, dồn dập -> thể hiện tiếng reo vui của tác giả trước sự bất tận của thiên nhiên khi mùa xuân tới.

Nào là: *Ong bướm – tuần tháng mật*

Hoa – đồng nội xanh rì

Lá – cành tơ phấp phới

Yến anh – khúc tình si

Anh sáng – chớp hàng mi

- Nhịp thơ nhanh gấp gáp, từ ngữ giàu hình ảnh -> Tất cả đang ở thời kì xung mãn nhất, sức sống căng đầy nhất. Mùa xuân tươi đẹp tràn đầy hương sắc.

“Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”

Cách so sánh độc đáo, táo bạo, bất ngờ đầy sức khơi gợi. Gợi cho ta thấy nét đẹp đơn giản, thanh khiết, đầy sức sống và vô cùng quyến rũ không thể nào cưỡng lại được của cuộc sống, của mùa xuân.

=> ***Trong đôi mắt Xuân Diệu, cuộc sống xung quanh đầy sức sống, thiên nhiên đầy xuân sắc, xuân tình. Nhà thơ khao khát đón nhận tất cả.***

2. Nỗi băn khoăn trước thời gian và cuộc đời.

“Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”

- Nhà thơ bỗng hoài xuân, tiếc xuân khi mùa xuân chỉ mới vừa bắt đầu.
- Nhà thơ cảm nhận rất rõ bước đi của thời gian trong hơi thở của đất trời, bởi những gì đẹp nhất của mùa xuân, của tuổi trẻ, của tình yêu rồi sẽ ra đi không trở lại-> gợi sự băng khuâng tiếc nuối khi nhận ra giới hạn của cuộc đời.

“Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non – xuân sẽ già

Xuân hết – tôi cũng mất”

- Kết cấu lặp, điệp từ “nghĩa là” vừa giải thích, vừa bộc lộ sự lo lắng, hốt hoảng trước sự trôi chảy của thời gian.

Bởi thiên nhiên đối kháng với con người

“Lòng tôi rộng – lượng trời cứ chật

Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hia lần

Còn trời đất – chẳng còn tôi mãi”

Hình ảnh đối lập, giọng thơ than u buồn

=> Nhà thơ cảm nhận được cái vô hạn của thời gian, của thiên nhiên đất trời với cái hữu hạn ngắn ngủi của đời người nên xót xa nuối tiếc.

“Mùi năm tháng đều... than thầm tiễn biệt

Cơn gió xinh thì thào ... phai tàn, sắp sửa”

Sự nuối tiếc thấm sâu vào cảnh vật, tâm hồn vì tất cả rồi sẽ tàn phai, chia li và biến mất- một cuộc ra đi vĩnh viễn.

“Chẳng bao giờ ôi chẳng bao giờ nữa”

- Điệp ngữ, tiếng thơ dài luyện tiếc tuyệt vọng

3. Khát vọng sống, khát vọng cuồng nhiệt hối hả.

- *Mau đi thôi! ...* -> Lời giục giã vội vàng: hãy sống, hãy chiêm ngưỡng, hưởng thụ.

- *Ta muốn ...* -> khát vọng thật táo bạo, mãnh liệt.

- Các động từ mạnh: *ôm, riết, say, thấu, cắn ...*

=> Tình cảm thật mãnh liệt biến thành hành động cụ thể –thể hiện tình yêu cuồng nhiệt, đắm say; một tấm lòng ham sống, khát sống. Chính tình yêu đó đem lại một luồng sinh khí cho vạn vật, đất trời.

- Điệp từ “ cho” (cho chuênh choáng ... cho đã đầy... cho no nê ...)
- > Cảm xúc càng lúc càng cuồng nhiệt, tham lam, vô vấp hơn – hưởng thụ thỏa thuê hương sắc của cuộc sống.
- “*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*”
- > Thể hiện sự dâng trào đỉnh cao của cảm xúc – Mùa xuân được nhân hóa như một thực thể, nhân vật trữ tình muốn chiếm lĩnh, tận hưởng bằng tất cả năng lực
- => Lòng ham say, vô vấp, một khát vọng còn cao muốn chiếm đoạt tất cả hương vị của cuộc đời.
- Sống vội vàng, cuồng quít không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Đó là quan niệm sống mới mẻ, tích cực chưa từng thấy trong thơ ca truyền thống.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí
- Cách nhìn, cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ
- Sử dụng ngôn từ, nhịp điệu dồn dập, sôi nổi, hối hả, cuồng nhiệt...

2. Ý nghĩa : quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mỹ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời

Các dạng đề thi :

Câu 1: Khao khát giao cảm với đời, ham muốn sống mãnh liệt trong tuổi trẻ và tình yêu là đặc điểm nổi bật của thơ Xuân Diệu.

Anh (chị) hãy phân tích bài thơ “ Vội vàng “ của Xuân Diệu để làm sáng tỏ nhận định trên.

Câu 2:

Ta muốn ôm

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
-- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ trên để thấy quan niệm nhân sinh, quan niệm nghệ thuật của Xuân Diệu.

BÀI 2 : TRÀNG GIANG (HUY CẬN)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả : Huy Cận là nhà thơ lớn, một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào thơ mới với hồn thơ ảo não

- Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng triết lí

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ : rút từ tập Lửa thiêng(1939)

- Nhan đề : so sánh tên gọi Tràng giang với Trường giang

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

- Lời đề từ: Cảm hứng chủ đạo được tác giả nói rõ: *Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài (H.C)*

=> Toàn bộ cảm xúc chi phối cảm hứng sáng tác của tác giả → chìa khoá để hiểu bài thơ.

1. Khổ thơ 1:

Mở đầu bài thơ bằng cảnh sông nước mênh mông bất tận “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp”

- Điệp văn “ang” gợi lên sự mênh mông bất tận.

-Buồn “Điệp điệp” từ láy->gợi nỗi buồn miên man trải dài vô tận, không dứt.

->Câu thơ không chỉ nói sông, nước mà nói một nỗi buồn bất tận.

“Con thuyền xuôi mái nước song song”

- Con thuyền là hình ảnh tượng trưng cho cuộc đời lênh đênh, trôi nổi, vô định. Thuyền và nước chỉ song song với nhau mà không gắn bó với nhau. Thuyền đi với dòng để rồi chia li với dòng.

- Hình ảnh gợi sự chia lìa, rồi lại “củi một cành khô lạc mấy dòng”

-> Hình ảnh nhỏ bé mong manh, trôi nổi trên dòng sông, gợi liên tưởng đến kiếp người trôi nổi trên dòng đời vô định.

=> Khổ thơ vẽ lên một không gian bao la, vô định, rời rạc, hờ hững với một con thuyền, một nhánh củi lênh đênh gợi cảm giác buồn mênh mông, mang tâm trạng thời đại.

2. Khổ thơ 2:

Bổ sung vào bức tranh sông nước các hình ảnh bé bỏng trong trạng thái tàn rụi “*lơ thơ cồn nhỏ, gió điều hiu, làng xa vắng chợ chiều*” – xuất hiện âm thanh cuộc sống nhưng không làm cho cảnh vật bớt vắng vẻ mà càng làm cho bức tranh thiên nhiên càng mênh mang, hiu quạnh hơn (âm hưởng của các từ láy *lơ thơ, điều hiu*)– gợi một không gian tâm tưởng:

“*Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu ...”

Câu thơ có giá trị tạo hình đặc sắc : mở ra một không gian đa chiều : ta như thấy sông thêm dài, trời thêm cao và rộng hơn, bến sông ấy như thêm cô liêu, con người càng thêm cô đơn, bé nhỏ, rợn ngợp trước vũ trụ rộng lớn, vĩnh hằng.

3. Khổ thơ 3:

- Hình ảnh “*bèo dạt về đâu hàng nối hàng*” -> càng khắc sâu nỗi buồn về sự vô định, phó mặc, bất lực trước cuộc đời. Đây cũng là tâm trạng chung của các nhà thơ mới trong những năm ngót ngạt dưới thời thuộc Pháp.

- Điệp từ “ không” (không cầu, không chuyển đồ): gợi sự thiếu vắng , trống trải, không có tín hiệu của sự giao hòa, thân mật – Đường như Huy Cận muốn phủ nhận tất cả những gì thuộc về con người - khắc sâu ấn tượng về sự chia lìa, tan tác.

“Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng” -> thiên nhiên đẹp nhưng thiếu vắng hình dáng con người.

=> Nỗi buồn ở bài thơ này không chỉ là nỗi buồn mệnh mang trước trời rộng sông dài mà còn là nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn trước cuộc đời.

4. Khổ thơ 4:

Nhà thơ mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường mà vẫn giữ được nét riêng biệt của thơ mới và hồn thơ Huy Cận.

“ Lốp lốp mây cao đùn núi bạc” tạo ấn tượng về sự hùng vĩ của thiên nhiên.

“ Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa” – thời gian đã biến chuyển, hoàng hôn buông xuống và cánh chim đơn lẻ trong buổi chiều tà dễ gợi nỗi buồn xa vắng – nỗi buồn nhớ quê hương:

“ Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà ”

So sánh với hai câu thơ của Thôi Hiệu:

“ Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu”

Ta thấy với Huy Cận không cần có khói sóng trên sông vẫn nhớ quê nhà da diết -> Tình cảm quê hương sâu nặng, thường trực, cháy bỏng.

=> Đứng trước cảnh sông nước bao la, những đợt sóng xa bờ tí tắp, thi nhân như đang soi mình xuống dòng sông, thăm thía một nỗi buồn bơ vơ, lặng lẽ thả hồn mình về với quê hương.

=> Nét cổ điển mà hiện đại trong thơ Huy Cận. Nỗi nhớ da diết của một cái tôi lãng mạn. Đó chính là lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận trước cảnh ngộ đất nước mất chủ quyền.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Sự kết hợp hài hòa giữa sắc thái cổ điển và hiện đại (sự xuất hiện của cái tưởng như tầm thường, vô nghĩa và cảm xúc buồn mang dấu ấn cái tôi cá nhân...)

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm (lơ thơ, đìu hiu, chót vót...)

2. Ý nghĩa:

Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với cuộc đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết của tác giả

Các dạng đề thi :

Câu 1: Cảm nhận của anh chị về vẻ đẹp khổ thơ đầu trong bài "Tràng giang" của Huy Cận.

Câu 2: Có ý kiến cho rằng *Tràng giang* là một bài thơ vừa cổ điển vừa hiện đại. Phân tích bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên.

→ *Tràng giang* là bài thơ có vẻ đẹp cổ điển. Vẻ đẹp này thể hiện ở nhiều phương diện:

- Thể thơ (bảy chữ) chủ yếu với cách ngắt nhịp quen thuộc, tạo nên sự cân đối, hài hòa.
 - Sự nhạy cảm của tác giả với cảnh tượng thiên nhiên bát ngát, không gian vô tận, hướng tới thời gian vĩnh hằng.
 - Cách thức miêu tả những bức tranh thiên nhiên (chỉ miêu tả một vài nét đơn sơ, chủ yếu ghi lại hồn cốt của tạo vật)
 - Thi liệu.
 - Âm điệu chủ đạo của bài thơ.
 - Nỗi buồn của tác giả.
 - Cách vận dụng sáng tạo lối điển đạt và các ý có tổng thơ cổ (chẳng hạn như ở các bài thơ *Đăng cao* của Đỗ Phủ, *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu).
 - Vẻ đẹp trang nhã, thanh cao toát ra từ toàn bộ bài thơ...
 - Song, *Tràng giang* cũng là bài thơ hiện đại:
 - Vận dụng thể thơ bảy chữ.
 - Cách sử dụng thi liệu (bên cạnh thi liệu cũ có thi liệu mới).
 - Cách cảm nhận sự vật, khiến “cái buồn vơi vợi dần ra cho đến hư vô”
- ⇒ Vì thế, *Tràng giang* đúng là một bài thơ vừa cổ điển vừa hiện đại.

BÀI 3 : ĐÂY THÔN VĨ DẠ (HÀN MẶC TỬ)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. **Tác giả** : Hàn Mặc Tử là người có số phận bất hạnh. Ông là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới « ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam »(Chế Lan Viên)

2. **Tác phẩm**:

a. **Hoàn cảnh sáng tác**. Viết năm 1938 in trong tập *Thơ Điên*, được khơi nguồn cảm hứng từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc

II. **Nội dung, nghệ thuật của bài thơ** :

1. **Khổ thơ 1. Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết.**

- Câu thơ 1:

+ Hình thức: câu hỏi.

+ Nội dung: lời mời, lời trách móc.

→ Chủ thể trữ tình tự phân thân, tự giải bày tâm trạng: nuôi tiếc, nhớ mong.

- Bức tranh thôn Vĩ được khắc hoạ tươi đẹp, sống động. Hình ảnh: *Nắng hàng cau*
- *Nắng mới*.

→ Nắng ban mai buổi hừng đông tinh khiết trong lành chiếu lên những hàng cau còn ướt đẫm sương đêm.

→ Nắng có linh hồn riêng. Nắng mang hồn xứ Huế.

- Sự lặp lại 2 lần từ “nắng” khiến câu thơ tràn ngập ánh sáng.
→ Thiên nhiên sống động rạng ngời, gợi cảm giác khoẻ khoắn, ấm áp.

- Đại từ phiếm chỉ “ai” gợi cái ám ảnh thương nhớ.
- “*Xanh như ngọc*”: Biện pháp so sánh gợi lên màu sắc tươi sáng của vườn cây.
- “*Mặt chữ điền*”: khuôn mặt hiền lành phúc hậu.

→ Vẻ đẹp: cảnh và người xứ Huế.

Bức tranh thiên nhiên đẹp, thơ mộng, tràn đầy sức sống, đầy ắp ánh sáng, có màu sắc, có đường nét. Hình ảnh con người: dịu dàng e ấp.

→ Tiếng nói băng khuâng rạo rực của một tâm hồn yêu đời, khát sống, hướng về cái trong trẻo, thánh thiện.

2. Khổ thơ 2. Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ, chia lìa

- *Gió, mây, sông nước, hoa* được nhân cách hoá để nói tâm trạng.
- Cái ngược đường của *gió, mây* gợi sự chia ly đôi ngả → nỗi đau thân phận xa cách, chia lìa.

→ Không gian trống vắng, thời gian như ngừng lại, cảnh vật hờ hững với con người.

- Hình ảnh thơ không xác định: “*Thuyền ai*”, “*sông trăng*” → Cảm giác huyền ảo.
→ Cảnh đẹp như trong cõi mộng.

- Câu hỏi tu từ ẩn chứa một nỗi mong chờ tha thiết, đồng thời cũng chứa đầy nỗi phấp phỏng hoài nghi.

→ Không gian mênh mông có đủ cả *gió, mây, sông, nước, trăng, hoa* cảnh đẹp nhưng buồn vô hạn.

3. Khổ thơ 3. Nỗi niềm thôn Vĩ

- Chủ thể: Đây khát vọng trong tiếng gọi
- Khách thể: hư ảo, nhạt nhòa, xa xôi.

→ Câu thơ hàm chứa nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và thiết tha với cuộc đời – tìm vào thế giới hư ảo như một cứu cánh nhưng hụt hẫng, xót xa..

- Điệp từ, điệp ngữ,
- Nhạc điệu sâu lắng và buồn mênh mang.
- Câu hỏi lửng lơ nửa ghen ngào, nửa trách móc,

- Chân dung nội tâm của tác giả: Khao khát yêu thương, đồng cảm.
 - Đại từ phiếm chỉ : *ai / tình ai ?*
 → Câu thơ cuối dường như chính là câu trả lời cho câu thơ thứ nhất.

Khổ 1	<u>Thế giới thực</u> - Thời gian: bình minh - Không gian: Miệt vườn → khung cảnh tươi sáng, ấm áp, hài hoà giữa con người và thiên nhiên.
Khổ 2	<u>Thế giới mộng</u> - Thời gian: đêm trăng - Không gian: trời, mây, sông, nước → khung cảnh u buồn, hoang vắng, chia lìa...
Khổ 3	<u>Thế giới ảo.</u> Thời gian: không xác định. - Không gian: đường xa, sương khói. → khung cảnh hư ảo...
→ Khát vọng yêu thương, đồng cảm!	

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Trí tưởng tượng phong phú
- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ...
- Hình ảnh sáng tạo có sự hòa quyện giữa thực và ảo

2. Ý nghĩa:

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.

Các dạng đề thi :

Câu 2 : Cảm nhận của anh chị về bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử.

Câu 2 : Cảm nhận về đoạn thơ trong *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử :

Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?
Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử.

BÀI 4 : TỪ ẤY (TỔ HỮU)

I. Tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả :

- Tố Hữu được đánh giá là : lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại.
- Thơ trữ tình – chính trị : thể hiện lẽ sống , lí tưởng, tình cảm cách mạng của con người Việt Nam hiện đại nhưng mang đậm chất dân tộc, truyền thống.

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ : thuộc phần Máu lửa của tập Từ ấy(71 bài), sáng tác tháng 7 năm 1938, đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Tố Hữu

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Khổ 1. Niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng, cách mạng.

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

- Hình ảnh ẩn dụ : *nắng hạ, mặt trời chân lí, chói qua tim.*

→ Khẳng định lí tưởng cộng sản như một nguồn sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ.

- Hình ảnh ẩn dụ và so sánh : *Hồn tôi- vườn hoa lá - đậm hương – rộn tiếng chim.*

→ Diễn tả niềm vui sướng, say mê nồng nhiệt của nhà thơ khi bắt gặp lí tưởng mới.

2. Khổ 2. Nhận thức mới về lẽ sống.

Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với muôn nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

- Sự gắn bó hài hoà giữa *cái tôi* cá nhân với *cái ta* chung của xã hội - đặc biệt là với những người lao động nghèo khổ.

+ Buộc: Ý thức tự nguyện, quyết tâm cao độ.

+ Trang trải: Tâm hồn trải rộng với cuộc đời, tạo sự đồng cảm sâu sắc.

+ Trăm nơi: Hoán dụ – chỉ mọi người sống ở khắp nơi.

+ Khối đời: Ẩn dụ – Khối người đông đảo cùng chung cảnh ngộ, đoàn kết chặt chẽ, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung.

→ Nhà thơ đã đặt mình giữa dòng đời và môi trường rộng lớn của quần chúng lao khổ và ở đó Tố Hữu đã tìm thấy niềm vui và sức mạnh không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm mến yêu của trái tim nhân ái.

3. Khổ 3. Sự chuyển biến trong tình cảm.

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bất cù bơ...

- Điệp từ: là, của, vạn...

- Đại từ nhân xưng: Con, em, anh

- Số từ ước lệ: vạn.

→ Nhấn mạnh và khẳng định một tình cảm gia đình đầm ấm, thân thiết, gắn bó ruột thịt.

→ Sự cảm nhận sâu sắc mình là thành viên của đại gia đình quần chúng lao khổ.

→ Sự biểu hiện xúc động, chân thành khi nói tới những kiếp người bất hạnh, dãi dầu sương gió.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Hình ảnh tươi sáng giàu ý nghĩa tượng trưng ; ngôn ngữ giàu nhạc điệu ; giọng thơ sáng khoái, nhịp điệu thơ hăm hở,...

2. Ý nghĩa văn bản:

Niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản

Các dạng đề thi :

Câu 1 : Cảm nhận của anh (chị) về bài thơ “Từ ấy” của Tố Hữu để thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của nhà thơ trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản.

Câu 2 : Cảm nhận của anh/ chị về khổ thơ đầu trong bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 11 - tập 2, NXB Giáo dục, 2009)

BÀI 5 : CHIỀU TỐI (MỘ)- HỒ CHÍ MINH

I. Giới thiệu Nhật kí trong tù .

1. Hoàn cảnh ra đời :

- Là tập nhật kí viết bằng thơ, được Bác sáng tác trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam từ tháng 8/1942 – 9/1943 tại tỉnh Quảng Tây.

- Tập thơ gồm 134 bài bằng chữ Hán(chủ yếu là thơ thất ngôn tứ tuyệt)

2. Giá trị cơ bản :

- Bức tranh nhà tù và một phần xã hội trung hoa dân quốc

- Bức chân dung tự họa của con người Hồ Chí Minh : bậc đại nhân, đại trí , đại dũng

3. Vị trí bài thơ

Bài thứ 31 của tập nhật kí trong tù, sáng tác cuối mùa thu 1942, trên đường đi đày từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo

II. Nội dung, nghệ thuật của bài thơ :

1. Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng. [Tính cổ điển]

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ,

Cô vân mạn mạn độ thiên không ;

- Cảnh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ và chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không. Đây cũng là cảnh thực trong cảm nhận của tù nhân – thi sĩ (*chuyển động của cánh chim, chòm mây lẽ về trạng thái yên nghỉ* > < *tù nhân nơi đất khách quê người trong cảnh chiều tà mong mỏi chốn bình yên : quê hương, gia đình...*)

→ Hai câu đầu thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung tự tại của Bác.

2. Bức tranh cuộc sống sinh hoạt của con người. [Tính hiện đại]

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

- Vẻ đẹp khỏe khoắn của người thiếu nữ xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đã đem đến cho người tù hơi ấm, niềm vui (*Thiếu nữ dịch cô em chưa sát*)

- Câu 4 : sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ Hồ Chí Minh : chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng (*chữ hồng là nhãn tự, làm sáng bừng cả bài thơ, làm ấm áp bức tranh và ấm áp lòng người*). (*nguyên tác không có chữ tối, bản dịch có phá vỡ nét đẹp của câu thơ*)

→ Con người là trung tâm của bức tranh. Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ : từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Từ ngữ cô đọng, hàm súc;
- Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn.

2. Ý nghĩa:

Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ – chiến sĩ Hồ Chí Minh; yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống, kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống.

Các dạng đề thi :

Câu 1 : Anh (chị) hãy phân tích bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh để làm sáng rõ ý kiến : Đây là thi phẩm hội tụ nhiều vẻ đẹp – nội dung, tư tưởng, hình thức nghệ thuật. Đặc biệt là chân dung của một nhân vật trữ tình.

Câu 2 : Phân tích bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh để làm nổi bật nét cổ điển - hiện đại" trong bài thơ.

-----Hết-----